

Số: 113/QĐ-ĐT

Phúc Yên, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án tuyển sinh năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo thông tư 15/2021/TT- BLĐTBXH ngày 21/10/ 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định 1923/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo năm 2025 của trường Cao đẳng Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Trường cao đẳng Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Quyết định số 71/QĐ-ĐT ngày 27 tháng 2 năm 2023 của Trường cao đẳng Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo- NCKH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh năm 2025 tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, Khoa, Tổ, các cán bộ giảng viên, viên chức của nhà trường căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ GDDH; Cục GDTX-GDNN);
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở VH-TT và DL;
- Sở Y tế;
- Lưu ĐT+ VT, Website của trường.



TS. Trần Thanh Hùng

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2025

*((Ban hành kèm theo Quyết định số 143. /QĐ-ĐT ngày 14. tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vinh Phúc))*

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định 1923/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Vinh Phúc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo năm 2025 của trường Cao đẳng Vinh Phúc;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Quyết định số 71/QĐ-ĐT ngày 27 tháng 2 năm 2023 của Trường cao đẳng Vinh Phúc (QC71);

Căn cứ Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo Giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Trường cao đẳng Vinh Phúc (QC52);

Trường cao đẳng Vinh Phúc xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2025 với các nội dung cụ thể sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Vinh Phúc

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:

- Đối với tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non: **C16**

- Đối với tuyển sinh các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp: **CDD1603**

3. Địa chỉ các trụ sở

+ Trụ sở chính: Phường Trưng Nhị - Thành phố Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phường Liên Bảo - TP Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: caodangvinhphuc.edu.vn.

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Đối với tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non: 0912013684.

- Đối với tuyển sinh các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp: 0919914886

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: caodangvinhphuc.edu.vn

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: caodangvinhphuc.edu.vn

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2024

Lĩnh vực	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV/HS trúng tuyển nhập học		Số SV/HS tốt nghiệp		Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC	CĐ	TC
Giáo dục Mầm non	CQ: 40; VLVH:400	0	442	0	386	0	89,7%	0
Các ngành khác	180	60	68	37	79	22	91.6%	97,2%

(Địa chỉ đường link: caodangvinhphuc.edu.vn)

9. Thông tin về tuyển sinh cao đẳng chính quy năm 2023, 2024

Chi tiết tại địa chỉ: caodangvinhphuc.edu.vn

9.1. Tuyển sinh chính quy

9.1.1. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 03 phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển.

- Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi tuyển năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12.

+ Đối với các ngành năng khiếu khối giáo dục nghề nghiệp: Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp không thi môn năng khiếu, nhà trường sử dụng Điểm trung bình cả năm lớp 12 để xét tuyển.

9.1.2. Điểm trúng tuyển

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2(2023)			Năm tuyển sinh-1(2024)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Mầm non	500	496	17.50	40	41	22.7
Giáo dục nghề nghiệp	240	74	15.0	240	105	15.0

9.2. Tuyển sinh vừa học vừa làm

9.2.1. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 02 phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024

Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng 50% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

- Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Thi tuyển năng khiếu Hát, năng khiếu Đọc diễn cảm và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12. Số lượng 50% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

9.2.2. Điểm trúng tuyển

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2(2023)			Năm tuyển sinh -1(2024)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Giáo dục Mầm non				400	401	17.0

10. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: caodangvinhphuc.edu.vn.

10.1. Ngành Giáo dục Mầm non

- Mã ngành: 51140201
- Số văn bản mở ngành: Quyết định số 1558/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 08/4/2002 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- Năm bắt đầu đào tạo: 2002.
- Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất: 2024

10.2. Các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp

TT	Tên ngành/ nghề	Mã ngành/ nghề	Giấy chứng nhận số
I	Cao đẳng		
1	Tiếng Anh	6220206	Số 41/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN, ngày 13/5/2021
2	Kế toán	6340301	
3	Kế toán doanh nghiệp	6340302	
4	Tin học ứng dụng	6480205	
5	Quản trị mạng máy tính	6480209	
6	Dược	6720201	
7	Điều dưỡng	6720301	Số 41a/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 23/6/2021
8	Hội họa	6210103	
9	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	6210217	
II	Trung cấp		
1	Y sỹ đa khoa	5720101	

2	Y học cổ truyền	5720102	Số 41/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN, ngày 13/5/2021
3	Hội họa	5210103	Số 41a/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 23/6/2021
4	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	5210217	
5	Organ	5210224	
6	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	Số 41b/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 22/8/2024
7	Thanh nhạc	5210225	
8	Hướng dẫn du lịch	5810103	
III	Sơ cấp		
1	Hội họa		Số 41a/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 23/6/2021
2	Điều khắc		
3	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc		
4	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây		
5	Organ		
6	Thanh nhạc		
7	Hướng dẫn du lịch		
8	Quản trị khách sạn		
9	Nghiệp vụ lễ tân		
10	Thiết kế đồ họa		
11	Thiết kế thời trang		
12	Dịch vụ chăm sóc gia đình		
13	Nhân viên y tế thôn bản		Số 41b/2021/GCNĐKHĐBS-TCGDNN, ngày 22/8/2024

11. Điều kiện đảm bảo chất lượng

11.1. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2024

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại				Tổng
	Hệ Cao đẳng		Hệ Trung cấp		
	Chính quy	VLVH	Chính quy	VLVH	
1. Giáo dục Mầm non	511	401	0		912
2. Khối ngôn ngữ, nghệ thuật	39	0	60		99
3. Khối sức khỏe	162	0	29		191
Tổng cộng	712	401	89		1202

11.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

11.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

10.2.1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất

a. Trụ sở chính: P. Trung Nhị - TP. Phúc Yên – Vĩnh Phúc

- Tổng diện tích đất của trường: 5,8 ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường: 25743 m².

- Ký túc xá sinh viên diện tích 6335 m²; số chỗ ở cho HSSV: 1000.

b. Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phố Tuệ Tĩnh – TP. Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

- Diện tích đất với tổng diện tích mặt bằng: 2,1ha
- Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 9550 m².
- Ký túc xá học sinh: 1160 m²; số chỗ ở cho HSSV: 200.

11.2.1.2. Thống kê diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

a. Trụ sở chính: P. Trưng Nhị - Tp Phúc Yên – Vĩnh Phúc

Tổng diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình 25743 m².

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	112	11735
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2490
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	1	350
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	30	1950
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	34	1500
1.5	Phòng học đa phương tiện	10	570
1.6	Khu nhà làm việc/Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	35	1450
1.7	Nhà tập đa năng	1	1280
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	1213
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	1432
4	Khu ký túc xá/khu nội trú	104	6335
5	Sân vận động	1	1350

b. Cơ sở tại Vĩnh Yên: Phố Tuệ Tĩnh - Tp Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 9550 m². Bao gồm:

- Nhà điều hành: 652 m².
- Hội trường: 550 m².
- Nhà lớp học: 3300m², số phòng học 20 phòng (16 phòng học lý thuyết, 04 phòng thực hành).
- Nhà thực hành: 1640 m², số phòng 16 phòng.
- Ký túc xá học sinh: 1.160 m²; nhà cấp 3, số phòng 30 phòng, phục vụ cho 250 học sinh ở ký túc xá.
- Khu nhà ở của CBCNV: 8 phòng, tổng diện tích 400m², nhà cấp 4,
- Nhà bảo vệ: 25 m², nhà cấp 4.
- Nhà ăn: 525 m²; nhà cấp 3.
- Trạm Y tế: 300m²

Ngoài ra cơ sở sở 2 còn có:

- Khu sân trường: 700 m²; Khu để xe: 1000 m²
- Vườn thuốc Nam: 500m², có 150 loại cây thuốc để điều trị các bệnh thông thường

dùng cho học sinh thực hành.

*** Cơ sở thực tập, thực tế.**

- Trường Mầm non Trung Nhị, Tiền Châu –TP Phúc Yên
- Nhà hát Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc
- Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc
- Bệnh viện thực hành: 15 bệnh viện
 - + Bệnh viện tuyến tỉnh: 06 bệnh viện.
 - + Bệnh viện tuyến huyện có 09 bệnh viện.
- Công ty: 01 công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc.
- Trung tâm kiểm nghiệm Dược hoá mỹ phẩm Vĩnh Phúc.
- Trạm Y tế: 137 xã, phường, thị trấn trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố.

Ngoài ra Nhà trường có các phòng máy vi tính với 150 máy tính. Nhà trường đã nối mạng internet để sinh viên khai thác thông tin phục vụ học tập nghiên cứu; các phòng thiết bị nghe nhìn với 56 ca bin, 15 cát sét, 04 máy chiếu qua đầu....; phòng truyền thanh 01 phòng truyền thanh trong nội bộ trường với loa, tăng âm.....

11.2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên phòng	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/Khối ngành
1	Phòng máy tính: 601 giảng đường B	Máy tính 36; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
2	Phòng máy tính: 602 giảng đường B	Máy tính 29; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
3	Phòng máy tính: 603 giảng đường B	Máy tính 42; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
4	Phòng Lap 1 nhà khách	Máy tính 25; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
5	Phòng Lap 2 lớn nhà khách	Máy tính 40; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
6	Phòng máy tính: 301 thư viện	Máy tính 31; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
7	Phòng máy tính: 302 thư viện	Máy tính 24; Internet; máy chiếu; Loa	GDMN và ngành học khác
8	Phòng học đàn (nhà C)	01 phòng có 40 đàn organ	GDMN và ngành học khác
9	Phòng thực hành họa	01 phòng có các mẫu và giá vẽ.	GDMN và ngành học khác
10	Phòng thực hành múa	Có gương lớn quanh tường và gióng múa; Loa	GDMN và ngành học khác
11	Phòng học thí nghiệm nhà T: 02 phòng Sinh học	. Có các thiết bị đảm bảo cho việc học thực hành, thí nghiệm của bộ môn.	GDMN và ngành học khác

12	Nhà TDTT đa năng	DT sản xây dựng 1280; trang bị các dụng cụ TDTT trong nhà.	GDMN và ngành học khác
----	------------------	--	------------------------

11.2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử trong thư viện)

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Giáo dục Mầm non - Giáo trình - Tham khảo	581 cuốn 1640 cuốn.
2	Các ngành khác - Giáo trình - Tham khảo	8387 cuốn 25851 cuốn

11.3. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Họ và tên	Giới tính		Trình độ chuyên môn đào tạo			Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành chủ trì giảng dạy	
		Nam	Nữ	TS, CK2	Ths	ĐH			GD MN	GD NN
1	Trần Thanh Tùng	1		1			Sinh học		1	
2	Nguyễn Xuân Công	1			1		Toán học		1	
3	Trịnh Thị Luyến		1	1			Nhi, truyền nhiễm;QLGD			1
4	Đào Ngọc Anh	1			1		QLGD		1	
5	Doãn Thế Anh	1		1			Địa lí		1	
6	Nguyễn Văn Thu	1			1		CNTT		1	
7	Triệu Việt Dũng	1				1	QL văn hóa			1
8	Phạm T Diệu Thương		1		1		Văn hóa học			1
9	Trần Nhân Vĩnh	1			1		Giáo dục học		1	
10	Nguyễn T Mai Hương		1		1		Sinh học		1	
11	Nguyễn T Phương Chung		1			1	Âm nhạc		1	
12	Nguyễn Thành Công	1			1		Triết học	1		
13	Nguyễn Thị Phượng		1			1	Kinh tế			1
14	Trần Vương Ngọc	1				1	CNTT	1		
15	Nguyễn Anh Hiếu	1			1		CNTT		1	
16	Đinh Thị Tuyết		1		1		Ngữ văn		1	
17	Hoàng Thị Diên		1		1		Lịch sử		1	
18	Nguyễn Anh Tuấn	1		1			CNTT		1	
19	Lương Thị Song Vân		1		1		CNTT		1	
20	Phạm Thị Quế		1		1		Triết học	1		

21	Nguyễn Thị Kim Thoa		1		1	Thư viện			1
22	Trần Thị Lan Anh		1		1	Tâm lý học		1	
23	Đỗ Thị Thúy		1		1	Thư viện			1
24	Nguyễn Ngọc Thụ	1			1	GDTC	1		
25	Nguyễn Thanh Bình	1			1	GDTC	1		
26	Nguyễn Thị Hòa		1		1	Âm nhạc		1	
27	Cao Đức Bộ	1			1	Lưu trữ			1
28	Trịnh Thị Sen		1		1	Âm nhạc		1	
29	Lê Kim Bá Yên	1			1	Lịch sử		1	
30	Tạ Hoài Quang	1			1	Toán học		1	
31	Nguyễn Thị Hạnh		1		1	KDTM			1
32	Nguyễn Hữu Hiệp	1			1	QLGD		1	
33	Trần Thị Bích Loan		1		1	Kinh tế PT			1
34	Dương Đình Chuyển	1			1	GDTC	1		
35	Phạm Văn Quân	1			1	Triết học	1		
36	Đỗ Văn Hải	1			1	Hóa học			1
37	Phạm Thị Duyên		1		1	Triết học	1		
38	Nguyễn Thị Kim Chung		1		1	Triết học	1		
39	Nguyễn Đức Khiêm	1			1	Triết học	1		
40	Lương Thị Kim Dung		1		1	Triết học	1		
41	Quách Kiều Dung		1		1	Kinh tế CT	1		
42	Nguyễn Thị Minh Huệ		1		1	Giáo dục học		1	
43	Nguyễn Thị Hiền		1		1	Giáo dục học		1	
44	Hoàng Thị Hải Hoàn		1		1	QLGD		1	
45	Nguyễn Thị Hợi		1		1	Tâm lý học		1	
46	Trần Tuyết Nhung		1		1	Giáo dục học		1	
47	Phạm Việt Hà		1		1	Tâm lý học		1	
48	Lê Thị Thanh Thảo		1		1	Giáo dục học		1	
49	Lê Thành Hưng	1		1		Toán học		1	
50	Phạm Thị Thu Hiền		1		1	Hóa học			1
51	Nguyễn Thị Thanh Nga		1		1	Sinh học		1	
52	Nguyễn Bá Hưng	1			1	CNTT	1		
53	Nguyễn Thị Minh Thủy		1		1	GDTC		1	
54	Nguyễn Hữu Huân	1			1	GDTC	1		
55	Nguyễn Hoàng Sơn	1			1	GDTC	1		
56	Hồ Thị Hà Ly		1		1	GDTC		1	
57	Ngô Thị Xuyên		1		1	Sinh học		1	
58	Đặng Việt Hà		1		1	Sinh học		1	
59	Kim Đình Tiến	1			1	Sinh học		1	
60	Đỗ Xuân Thọ	1			1	CNTT	1		
61	Nguyễn Thị Huyền Anh		1		1	GDTC	1		

62	Đào T Hoàng Giang		1		1	Toán học		1	
63	Vũ Văn Tuấn	1			1	CNTT	1		
64	Phùng Trọng Việt	1			1	GDTC	1		
65	Phan Tự Hưng	1			1	Lịch sử		1	
66	Nguyễn Thị Thanh Thủy		1		1	Lịch sử		1	
67	Đoàn Việt Phương	1			1	Tiếng Anh	1		
68	Nguyễn Minh Thắng		1		1	Tiếng Anh	1		
69	Chu Thị Vân Anh		1	1		Lịch sử		1	
70	Lê Thị Thùy		1		1	Tiếng Anh	1		
71	Phạm Thị Vân		1		1	Tiếng Anh	1		
72	Nguyễn Ngọc Quyên		1		1	Tiếng Anh	1		
73	Nguyễn Thị Lê Dung		1		1	Quản trị KD			1
74	Bùi Thị Diễm Hương		1		1	Văn hóa học			1
75	Nguyễn Thị Minh Thu		1		1	Quản trị KD			1
76	Nguyễn Thị Phương Thanh		1		1	Văn hóa học			1
77	Nguyễn Thị Hồng Lan		1		1	Thư viện			1
78	Đỗ Ngọc Thúy		1		1	Ngữ văn		1	
79	Mẫu Thị Nguyệt Nga		1		1	Toán học		1	
80	Nguyễn Thị Thu Phương		1		1	GDMN		1	
81	Trần Văn Hồng	1			1	Ngữ văn		1	
82	Trịnh Thị Hương Loan		1		1	Ngữ văn		1	
83	Nguyễn Thị Hương Lan		1		1	GDMN		1	
84	Trần Thị Thanh Nga		1		1	GDMN		1	
85	Nguyễn Lan Anh		1		1	GDMN		1	
86	Phạm Thị Thanh Huyền		1		1	GDMN		1	
87	Lê Văn Vũ	1			1	Âm nhạc		1	
88	Nguyễn Thị Hồng Vân		1		1	Mỹ thuật			1
89	Lê Thị Tuyết Mây		1		1	Văn hóa học		1	
90	Đào Thị Hồng Vân		1		1	Mỹ thuật		1	
91	Nguyễn Văn Thọ	1			1	Mỹ thuật		1	
92	Hoàng Đình Hào	1			1	Mỹ thuật		1	
93	Nguyễn Thị Vân Thương		1		1	Âm nhạc		1	
94	Nguyễn Ngọc Phượng		1		1	Âm nhạc		1	
95	Phạm Thị Hằng		1		1	Mỹ thuật		1	
96	Đậu Thị Hà		1		1	Âm nhạc		1	
97	Phạm Kiều Trang		1		1	Âm nhạc			1
98	Nguyễn Quỳnh Trang		1		1	Âm nhạc			1
99	Nguyễn Huy Tuấn	1			1	Âm nhạc			1
100	Đỗ Ngọc Cương	1			1	Âm nhạc			1
101	Lâm Ngọc Bình	1			1	Múa			1
102	Trần Hồng Hải	1			1	Mỹ thuật			1

103	Nguyễn Xuân Đệm	1			1	Mỹ thuật		1
104	Triệu Ngọc Thạch	1			1	Mỹ thuật		1
105	Lâm Thị Đào Tiên		1		1	Mỹ thuật		1
106	Vũ Đình Sơn	1		1		Điều dưỡng		1
107	Triệu Văn Tuyến	1			1	Điều dưỡng; Y tế CC		1
108	Phạm Thị Sáng		1		1	Điều dưỡng		1
109	Trần Tôn Kiên	1			1	GDTC	1	
110	Nguyễn Thị Lệ Hằng		1		1	Tiếng Anh	1	
111	Đào Thị Nguyên Hương		1		1	Điều dưỡng, Y tế CC		1
112	Lê Minh Hằng		1		1	Dược		1
113	Dương Thị Hợp		1		1	Triết học	1	
114	Trương Kiều Phương		1		1	Tiếng Anh	1	
115	Lê Anh Toán	1			1	GDTC	1	
116	Nguyễn Văn Thúc	1			1	BSYHCT		1
117	Đặng Thị Ngọc Anh		1		1	Điều dưỡng		1
118	Nguyễn Thị Hằng		1		1	Điều dưỡng		1
119	Vũ Ngọc Thoại	1			1	Dược sĩ		1
120	Hà Thị Thu Hà		1		1	Dược sĩ		1
121	Lê Huy Tường		1		1	Dược sĩ		1
122	Lê Ngọc Hà		1		1	Dược sĩ		1
123	Lê Quốc Hoàn	1			1	Điều dưỡng		1
124	Nguyễn Gia Lương	1			1	Điều dưỡng		1
125	Thân Văn Lý	1			1	Điều dưỡng		1
126	Nguyễn Thị Lộc		1		1	Điều dưỡng, Dinh dưỡng		1
127	Nguyễn Thị Vân		1		1	Điều dưỡng		1
128	Vũ Thuý Nghi		1		1	BS Đa khoa		1

III. THÔNG TIN TUYỂN SINH CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2025

1. Đối tượng tuyển sinh:

1.1. Đối với ngành giáo dục mầm non: Theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Theo khoản 2 Điều 3 của Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

2. Phạm vi tuyển sinh:

- Ngành Giáo dục Mầm non tuyển sinh thí sinh có hộ khẩu tỉnh Vĩnh Phúc.
- Các ngành khác tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 03 phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo quy định của nhà trường tại Đề án này.

+ Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp thi năng khiếu: Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm thi TNTHPT năm 2025 theo tổ hợp môn thi quy định tại Đề án này.

+ Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp khác: Sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp TNTHPT năm 2025 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xét tuyển. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển theo quy định của nhà trường tại Đề án này.

3.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

+ Đối với ngành Giáo dục Mầm non: Thi tuyển năng khiếu Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Toán và Ngữ Văn.

+ Đối với các ngành năng khiếu khối giáo dục nghề nghiệp: Thi tuyển các môn năng khiếu theo từng chuyên ngành và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12.

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp không thi môn năng khiếu, nhà trường sử dụng tổng điểm trung bình cộng của các môn học lớp 12 theo tổ hợp môn thi quy định tại Đề án này.

3.4. Xét tuyển thẳng: Chỉ áp dụng đối với ngành Giáo dục mầm non. Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (Chi tiết tại Bảng 1 của Đề án này):

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non (dự kiến): 50

- Đối với các ngành cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp (dự kiến): 160.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi TNTHPT 2025

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Điểm xét tuyển: Nhà trường sử dụng kết quả của ba môn thi: Ngữ Văn, Toán và Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) để xét tuyển. Điểm thi năng khiếu tính hệ số 2. Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2025 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp: Đối với các ngành cao đẳng Dược, cao đẳng Điều dưỡng tổng điểm của tổ hợp các môn dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên từ 15,0 trở lên. Các ngành khác tổng điểm của tổ hợp các môn dùng để xét tuyển đã cộng điểm ưu tiên từ 13,50 trở lên.

- Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi TNTHPT năm 2025.

5.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

- Đối với ngành Giáo dục Mầm non:

+ Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

+ Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Toán và Ngữ Văn. Điểm năng khiếu tính hệ số 2. Điểm xét tuyển từ 17,0 trở lên.

+ Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2025 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp:

+ Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

+ Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu (theo từng ngành) và Điểm trung bình cả năm lớp 12. Điểm năng khiếu tính hệ số 2. Điểm xét tuyển từ 13,50 trở lên.

- Thí sinh chỉ được phép đăng ký 01 tổ hợp môn xét tuyển/ngành, không giới hạn số nguyện vọng ngành đăng ký xét tuyển (Nhà trường xét tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

5.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp

- Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 xếp loại trung bình trở lên (học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên). Đã tốt nghiệp THPT.

- Điểm xét tuyển là Điểm trung bình cả năm lớp 12 của từng môn theo tổ hợp xét tuyển của từng ngành từ 5,0 trở lên.

5.5. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định Điều 7 của QC 71 (đối với các ngành Giáo dục mầm non) và Phụ lục của QC 52 (đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Đối với thí sinh đã đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng, xét trúng tuyển từ thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu của ngành.

5.6. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp và phương thức tuyển sinh đối với ngành Giáo dục Mầm non: Nhà trường sẽ thông báo cụ thể sau.

6. Các thông tin dùng để xét tuyển

- Đối với thí sinh thuộc diện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Nhà trường sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ. Điểm bài thi môn Ngoại ngữ theo tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành theo quy định của nhà trường được tính 10 điểm.

- Đối với thí sinh thuộc diện bảo lưu điểm thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Nhà trường không sử dụng điểm bảo lưu trong kỳ thi TNTHPT để xét tuyển.

Bảng 1: Ngành, chỉ tiêu và tổ hợp môn thi dùng để xét tuyển các ngành cao đẳng chính quy năm 2025

TT (1)	Mã trường (2)	Mã ngành (3)	Tên ngành (4)	Chỉ tiêu (dự kiến) (5)	Tổ hợp môn xét tuyển 1 (6)	Tổ hợp môn xét tuyển 2 (7)	Tổ hợp môn xét tuyển 3 (8)
	I. Ngành sư phạm			50			
1	C16	51140201	Giáo dục Mầm non	50	PT1: M00 (Ngữ văn, Toán, Môn năng khiếu : Đọc diễn cảm, Hát). Điểm năng khiếu tính hệ số 2. PT2: Điểm tổng cộng của điểm các bài thi: Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) và Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Toán và Ngữ Văn. Điểm năng khiếu tính hệ số 2.		
	II. Các ngành khối giáo dục nghề nghiệp			200			
1	CDD1603	6220206	Tiếng Anh	20	D01	D78	D90
2		6720301	Điều dưỡng	70	B00	B08	
3		6720201	Dược	70	A00	B00	B08
4		6210103	Hội họa	20	H00	H07	
5		6210217	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	20	N02		

Ghi chú: * Mã tổ hợp các môn thi cụ thể như sau:

Toán, Vật lí, Hóa học	A00	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01	Văn, Hình họa, Trang trí	H00
Toán, Hóa học, Sinh học	B00	Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh	D78	Toán, Hình họa, Trang trí	H07
Toán, Sinh, Tiếng Anh	B08	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	D90	Văn, Ký xướng âm, Hát (Biểu diễn nhạc cụ)	N02

7. Tổ chức tuyển sinh:

7.1. Thông tin về các đợt tuyển sinh

Bảng 2: Kế hoạch xét tuyển cao đẳng, trung cấp hệ chính quy năm 2025

Đợt thi, xét tuyển	Nội dung	Thời gian
Đợt 1	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1	21/4 - 04/7/2025
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non đợt 1	14 - 20/7/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	21 -25/7/2025
	Nhập học đợt 1	28-31/7/2025
Đợt 2	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 2	01/8 -12/9/2025
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non đợt 2	08-14/9/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	15-19/9/2025
	Nhập học đợt 2	22-26/09/2025
Đợt 3	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 3	29/9 - 07/11/2025
	Thi năng khiếu + thi năng khiếu GD Mầm non đợt 3	10- 16/11/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	17-21/11/2025
	Nhập học đợt 3	24-28/11/2025

Lưu ý: Đối với Ngành Giáo dục Mầm non: Đợt 1, nhà trường thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các đợt tiếp theo (dự kiến) thi theo kế hoạch của nhà trường. Các ngành khối GDNN tuyển sinh theo kế hoạch, nếu có điều kiện tuyển sinh sớm, báo cáo HĐTS để xem xét và quyết định.

7.2. Quy chế tuyển sinh

- Đối với ngành Giáo dục mầm non: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- Đối với các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

(Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn)

7.3. Hồ sơ xét tuyển, hình thức, địa điểm nộp hồ sơ

a) Hồ sơ xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển đựng vào Túi hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: www.caodangvinhphuc.edu.vn).

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025 (bản sao có chứng thực). Bằng tốt nghiệp Trung cấp (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

- Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực). Bảng điểm tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng.

- Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (bản sao có chứng thực).

- 4 ảnh cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- 2 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao có chứng thực) (nếu có)

b) *Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển*

*** Hình thức:**

- Nộp trực tiếp tại: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và cung ứng nguồn nhân lực hoặc Phòng Đào tạo-NCKH, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

*** Địa điểm nộp hồ sơ:**

- Trụ sở chính: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và cung ứng nguồn nhân lực hoặc Phòng Đào tạo-NCKH - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Phường Trưng Nhị, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Cơ sở tại Vĩnh Yên: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và cung ứng nguồn nhân lực hoặc Phòng Đào tạo-NCKH - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc Phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nhà trường nhận hồ sơ xét tuyển: buổi sáng 8h - 11h, buổi chiều 14h - 17h vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ ngày lễ.

8. Chính sách ưu tiên

- Đối tượng ưu tiên: Đối tượng ưu tiên theo quy định Điều 7 của QC 25 (đối với ngành giáo dục mầm non) và Phụ lục 01 của QC 71 (đối với các ngành khối giáo dục nghề nghiệp).

- Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh).

- Lệ phí xét tuyển hoặc tuyển thẳng: 30.000 đ/hồ sơ

- Lệ phí thi tuyển các môn năng khiếu: 300.000 đ/hồ sơ

10. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí với sinh viên hệ chính quy

Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính

phù Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

11. Tài chính: Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 37 tỷ đồng

IV. TUYỂN SINH HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY

1. Thông tin về các ngành tuyển sinh

TT	Ngành đào tạo/mã ngành	Thời gian đào tạo	Chỉ tiêu	Hình thức thi, Xét tuyển Điều kiện đăng ký	Vùng tuyển Thời gian tuyển Hạn nhận hồ sơ
1	Đàn Guitare (5210217)	3 năm	15	+Xét theo ĐTB các môn cả năm lớp 9 và thi năng khiếu chuyên ngành (Điểm năng khiếu hệ số 2) + Đã tốt nghiệp THCS	-Tuyển sinh nhiều đợt trong năm. -Tuyển sinh trong cả nước - Các đợt xét tuyển tại Bảng 2 của Đề án.
2	Đàn Organ (5210224)		10		
3	Hội họa (5210103)		10		
4	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (5210207)		10		
5	Thanh nhạc (5210225)		15		
6	Hướng dẫn du lịch (5810103)	2 năm	20		

2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế của nhà trường.

Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn

V. TUYỂN SINH CAO ĐẲNG VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 600

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Đối tượng tuyển sinh: Theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non hệ vừa làm vừa học của trường.

4. Phương thức tuyển sinh: Nhà trường áp dụng 03 phương thức tuyển sinh

4.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025

Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025 (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào

tạo. Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Ngữ văn, Toán, Môn năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát). Điểm năng khiếu tính hệ số 2.

4.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

Thi tuyển năng khiếu Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Toán và Ngữ Văn. Điểm năng khiếu tính hệ số 2.

4.3. Phương thức 3: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trung cấp ngành Giáo dục Mầm non

Thi tuyển năng khiếu Hát, năng khiếu Đọc diễn cảm và kết hợp xét tuyển Điểm xếp loại tốt nghiệp tốt nghiệp trung cấp. Điểm năng khiếu tính hệ số 2.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

5.1. Phương thức 1: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi TNTHPT 2025

- Đã tốt nghiệp THPT
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điểm xét tuyển: Nhà trường sử dụng kết quả của ba môn thi: Ngữ Văn, Toán và Năng khiếu (Đọc diễn cảm, Hát) để xét tuyển. Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2025 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

- Thí sinh không bị điểm liệt trong kỳ thi TNTHPT năm 2025.

5.2. Phương thức 2: Kết hợp thi tuyển và xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở THPT

- Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên. Đã tốt nghiệp THPT.

- Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu Đọc diễn cảm, Năng khiếu Hát và Điểm trung bình cả năm lớp 12 môn Toán và Ngữ Văn. Điểm xét tuyển từ 17,0 trở lên.

- Nhà trường công nhận kết quả thi các môn năng khiếu năm 2025 đối với thí sinh dự thi cùng ngành tại các trường Đại học, Cao đẳng (nếu trùng với môn thi năng khiếu nhà trường đã thông báo).

5.3. Phương thức 3: Kết hợp thi tuyển năng khiếu và kết quả tốt nghiệp trung cấp giáo dục mầm non

- Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên các ngành đào tạo giáo viên. Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Điểm xét tuyển là điểm tổng cộng của các bài thi Năng khiếu Đọc diễn cảm, Năng khiếu Hát và điểm xếp loại tốt nghiệp tốt nghiệp trung cấp ngành Giáo dục mầm non. Điểm xét tuyển từ 17,0 trở lên.

5.5. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn thi theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Quy chế tuyển sinh và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Đối với thí sinh đã đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng, xét trúng tuyển từ thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất trở xuống cho đến hết chỉ tiêu của ngành.

6. Tổ chức tuyển sinh:

6.1. Thông tin về các đợt tuyển sinh

Đợt thi, xét tuyển	Nội dung	Thời gian
Đợt 1	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 1	21- 25/4/2025
	Thi năng khiếu GD Mầm non đợt 1	05- 11/5/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển các ngành	12 -16/5/2025
	Nhập học đợt 1	19-23/5/2025
Đợt 2	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 2	25/5 - 11/7/2025
	Thi năng khiếu GD Mầm non đợt 2	14 - 20/7/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển	21 -25/7/2025
	Nhập học đợt 2	28-31/7/2025
Đợt 3	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 3	01/8 -12/9/2025
	Thi năng khiếu GD Mầm non đợt 3	08-14/9/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển	15-19/9/2025
	Nhập học đợt 3	22-26/09/2025
Đợt 4	Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển đợt 4	29/9 - 07/11/2025
	Thi năng khiếu GD Mầm non đợt 4	10- 16/11/2025
	Xét và Thông báo kết quả trúng tuyển	17-21/11/2025
	Nhập học đợt 4	24-28/11/2025

6.2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ vừa làm vừa học của nhà trường.

7.3. Hồ sơ xét tuyển, hình thức, địa điểm nộp hồ sơ

a) Hồ sơ xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển đựng vào Túi hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (tải Phiếu tại website của nhà trường: [www. caodangvinhphuc.edu.vn](http://www.caodangvinhphuc.edu.vn)).

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025 (bản sao có chứng thực). Bằng tốt nghiệp Trung cấp (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

- Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao có chứng thực). Bảng điểm tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng (bản sao có chứng thực) đối với các thí sinh đã tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng.

- Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (bản sao có chứng thực).

- 4 ảnh cỡ 3x4 (chụp không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- 2 phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người nhận.

- Các giấy tờ ưu tiên (bản sao có chứng thực) (nếu có)

b) Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển

*** Hình thức:**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và cung ứng nguồn nhân lực hoặc Phòng Đào tạo-NCKH, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

- Gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

*** Địa điểm nộp hồ sơ:**

- Trụ sở chính: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và cung ứng nguồn nhân lực hoặc Phòng Đào tạo-NCKH - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc, Phường Trưng Nhị, TP Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Cơ sở tại Vĩnh Yên: Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và cung ứng nguồn nhân lực hoặc Phòng Đào tạo-NCKH - Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc Phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nhà trường nhận hồ sơ xét tuyển: buổi sáng 8h - 11h, buổi chiều 14h - 17h vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần trừ ngày lễ.

8. Chính sách ưu tiên

- Đối tượng ưu tiên: Đối tượng ưu tiên theo quy định của quy chế tuyển sinh.

- Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh). Lệ phí thi tuyển các môn năng khiếu: 300.000 đ/hồ sơ

10. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí với sinh viên

Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 81/2021/nđ-cp ngày 27 tháng 8 năm 2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

VI. TUYỂN SINH HỆ SƠ CẤP

1. Thông tin về các ngành tuyển sinh

- **Chỉ tiêu:** 200
- **Các ngành đào tạo:** Đàn (Guitare; Organ); Thanh nhạc; Hội họa; Múa; Thiết kế thời trang; Thiết kế đồ họa; Điêu khắc; Hướng dẫn du lịch; Nghiệp vụ lễ tân; Nhân viên y tế thôn bản.
- **Thời gian đào tạo:** từ 03 đến 06 tháng.
- **Hình thức thi, xét tuyển và điều kiện đăng ký:** Thí sinh đã tốt nghiệp THCS và sức khỏe phù hợp với nghề cần học đều được tuyển sinh học nghề trình độ sơ cấp.
- **Vùng tuyển, thời gian tuyển:** Tuyển sinh trong cả nước, nhiều đợt trong năm.

2. Quy chế tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế của nhà trường.

Chi tiết trên website: caodangvinhphuc.edu.vn

VII. LIÊN KẾT ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

- **Ngành tuyển sinh:** Chi tiết trên Website: caodangvinhphuc.edu.vn.
- **Vùng tuyển:** Tuyển sinh trong cả nước.
- **Thời gian xét tuyển và nhận hồ sơ:** Chi tiết tại caodangvinhphuc.edu.vn
- **Thi tuyển:** theo quy định của các trường đại học, cao đẳng
- **Thời gian đào tạo:** theo quy định của các trường đại học, cao đẳng .

VIII. CÁC LỚP BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

Đào tạo bồi dưỡng, đào tạo lại khối sức khỏe và Bồi dưỡng cấp chứng chỉ chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông, Bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa, du lịch: Thực hiện theo nhu cầu thực tế, tổ chức tuyển sinh và đào tạo liên tục trong năm.